TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2018
Về việc Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức C

2. Ông Hoàng Đắc Hân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 656/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đồng Thị H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 02, xã T, huyện T, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đồng Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn H trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H vào

năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại thôn M, xã T, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, nuôi dạy con chung vợ chồng luôn nghi ngờ không tin tưởng nhau nên dẫn đến thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi mắng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau nhiều năm nay không còn quan tâm nhau. Nay chị Hạnh khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Trần Văn H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị Đồng Thị H trình bày vợ chồng chị có 01 con chung tên Trần Mạnh Q, sinh ngày 14/02/1999, hiện nay con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đồng Thị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Trần Văn H vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đồng Thị H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Đồng Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Trần Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đồng Thị H tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự. Về con chung và tài sản chung đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Giấy khai sinh của con Trần Mạnh Q; Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đồng Thị H; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Đường, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Đồng Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Trần Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đồng Thị H và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng chị Hạnh và anh Hải đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Đồng Thị H khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Trần Văn H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Trần Văn H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Trần Văn H đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của chị Đồng Thị H. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện anh Trần Văn H vẫn sinh sống và làm việc bình thường tại địa phương cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hạnh và anh Hải đã kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị H, cho chị Đồng Thị H được ly hôn anh Trần Văn H.

[3] Về con chung: Chị Đồng Thị H trình bày vợ chồng chị có 01 con chung tên Trần Mạnh Q, sinh ngày 14/02/1999, hiện nay con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Đồng Thị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn H chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Đồng Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đồng Thị H được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về án phí: Chị Đồng Thị H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009426, ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Chị Đồng Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã T, huyện T,thành phố H;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự